

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6 /2020

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Tám

2. Bà Lý Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng, tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2020/QĐST-DS ngày 09/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trịnh Kim Y, tên gọi khác Trịnh Kim f**, sinh năm 1983.
(có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã R, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã R, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 05 tháng 02 năm 2020, biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Trịnh Kim Y trình bày như sau:

Bà Trịnh Kim Y và ông Nguyễn Văn S hai người chung sống với nhau vào năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống bà Y và ông S có sinh được hai người con chung là Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 16/9/2004 và Nguyễn Duy M, sinh ngày 24/7/2006. Hiện cháu Nguyễn Thị Thúy D đang sống với bà Y và cháu Nguyễn Duy M đang sống với ông S. Thời gian ban đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã với nhau do tính tình hai người không hợp. nguyên nhân chính do ông S thường xuyên ăn nhậu và có những lời nói thiếu tế nhị xúc phạm đến bà Y, hơn nữa ông S không quan tâm chăm sóc vợ con dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc, giữa bà và ông S hai người sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Quá trình sống chung vợ chồng không có tạo được tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Về hôn nhân: Bà Trịnh Kim Y yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Sang

- Về con chung: bà Y đồng ý giao cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 16/9/2004 và Nguyễn Duy M, sinh ngày 24/7/2006 đến tuổi trưởng thành, và bà không cấp dưỡng nuôi con do không khả năng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của Y thì ông S đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và thông báo triệu tập ông S đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông S không đến Tòa án mà vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử. và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án biết về ý kiến yêu cầu của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Y cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Trịnh Kim Y và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng.

Về con chung, Giao cháu Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 16/9/2004 và Nguyễn Duy M, sinh ngày 24/7/2006 cho ông Nguyễn Văn S được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà Y được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đương sự chịu án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trịnh Kim Y khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với ông Nguyễn Văn S và ông S cư trú tại ấp B, xã R, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Khi thụ lý đơn khởi kiện của bà Trịnh Kim Y Tòa án xác định loại kiện tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con là chưa đúng do bà Y và ông S sống chung không có đăng ký kết hôn do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định lại loại kiện trên là tranh chấp Hôn nhân và gia đình là chính xác. Bà Y và ông S hai người chung sống với nhau năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian trên 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thiếu quan tâm chăm sóc cho nhau, ông S đôi lúc phát biểu thiếu tế nhị đối với bà Y dẫn đến vợ chồng sống không còn hạnh phúc, đến năm 2018 thì hai người sống ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay bà Y yêu cầu xin ly hôn đối với ông S và ông S vẫn biết việc bà Y khởi kiện ly hôn đối với ông nhưng ông S cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y. Xét thấy bà Trịnh Kim Y và ông Nguyễn Văn S hai người chung sống với nhau từ năm 2004 đến nay nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm việc đăng ký kết hôn qui định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ phân tích trên xét thấy, việc bà Y yêu cầu xin ly hôn với ông S là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trịnh Kim Y và ông Nguyễn Văn S là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Y và ông S có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 16/9/2004 và Nguyễn Duy M, sinh ngày 24/7/2006, bà Y yêu cầu

giao hai con chung cho ông S nuôi dưỡng đến khi các con đến tuổi trưởng thành và tại các biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2020 của cháu D và cháu M các cháu có nguyện vọng yêu cầu được sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy việc bà Y yêu cầu giao con cho ông S nuôi cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu D và cháu M, nên yêu cầu giao nuôi con của bà Y được Tòa chấp nhận. Giao ông Nguyễn Văn S tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 16/9/2004 và Nguyễn Duy M, sinh ngày 24/7/2006 đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Bà Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông S không có cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết và ông S cũng không thể hiện có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trịnh Kim Y phải chịu án phí theo qui định pháp luật là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[8] Các quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trịnh Kim Y (Trịnh Kim f) và ông Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao ông Nguyễn Văn S tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 16/9/2004 và Nguyễn Duy M, sinh ngày 24/7/2006 đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Bà Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông S không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung : bà Y xác định không có và ông S không tranh chấp, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Kim Y chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí của bà Y được trừ vào số tiền bà Y nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000173 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên được chuyển thu.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Út